CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn 911

Ngày 31/12/2024	10,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.5%	**19.9%**	**68.7%**

DT thuần
Q4/24
134
tỷ VNĐ
QoQ: ▼92.0| -40.8%
YoY: ▼65.0| -32.8%

LN thuần
Q4/24
0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.51| -94.8%
YoY: ▼12.7| -97.3%

LN sau thuế
Q4/24
0.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.57| -95.8%
YoY: ▼10.4| -98.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
3.8%
YoY: +/-▼ 1.4%

ROE
2024
6.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

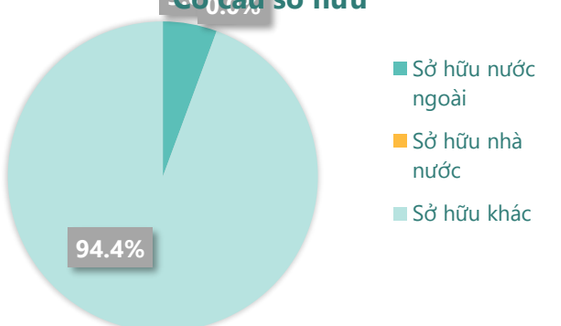
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,251 - 13,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	260
Số lượng CPLH (CP)	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	563,675
Sở hữu nước ngoài	5.6%
Beta	0.16
EPS	817
P/E	13.3

DT thuần
2024
806
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 195| 31.8%

LN thuần
2024
25.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.20| 26.0%

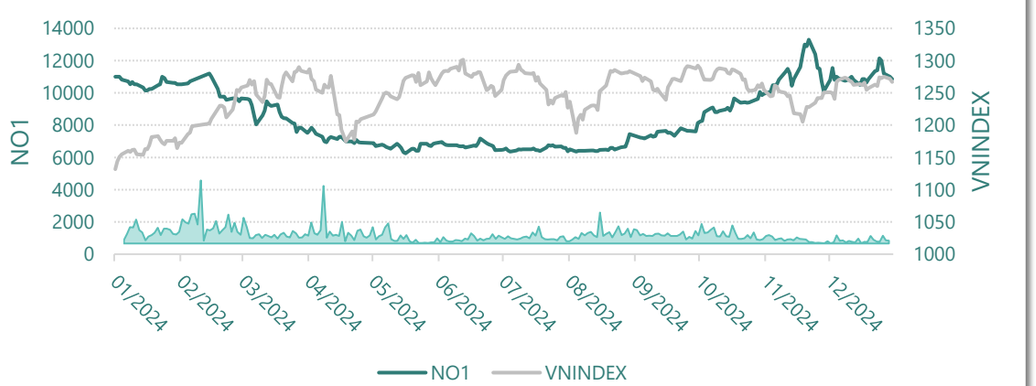
LN sau thuế
2024
19.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.70| 16.0%

Cơ cấu sở hữu

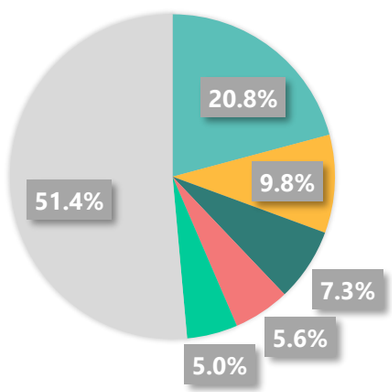


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

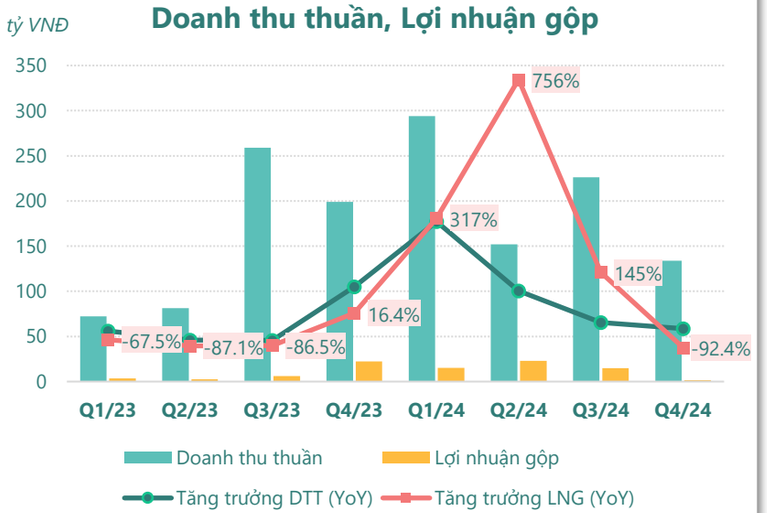


- Lưu Đình Tuấn
- Nguyễn Xuân Thanh (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Hải
- Nguyễn Mạnh Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Mirae Asset Daewoo Co., Ltd.
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

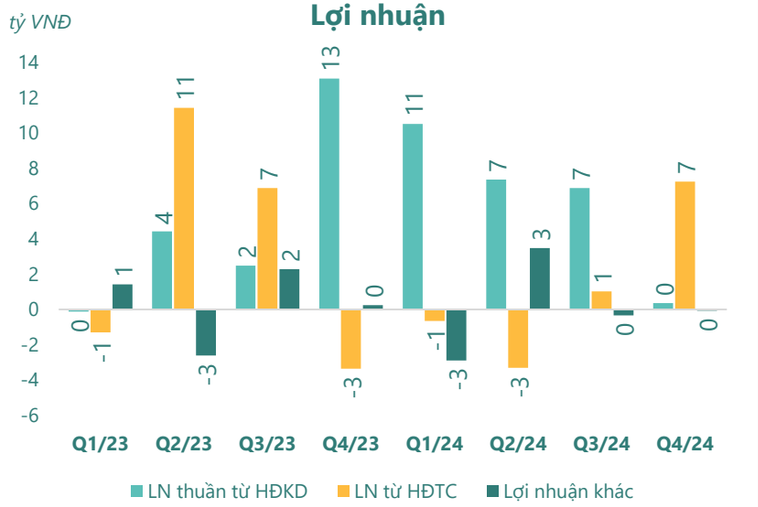
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



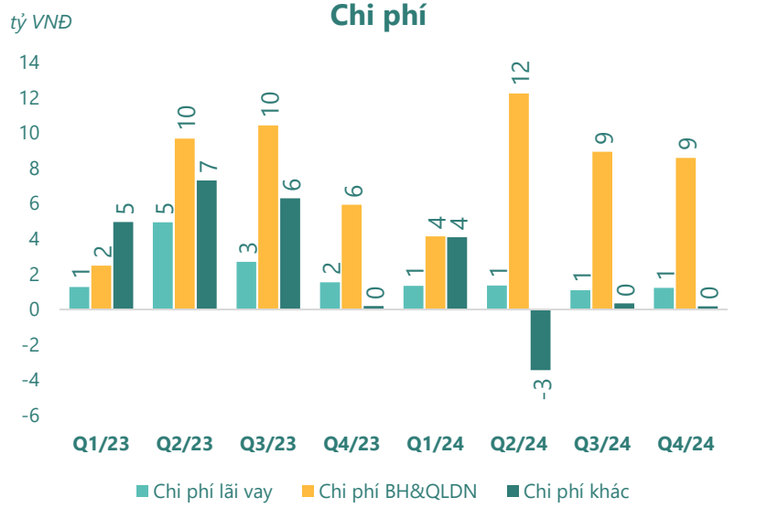
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



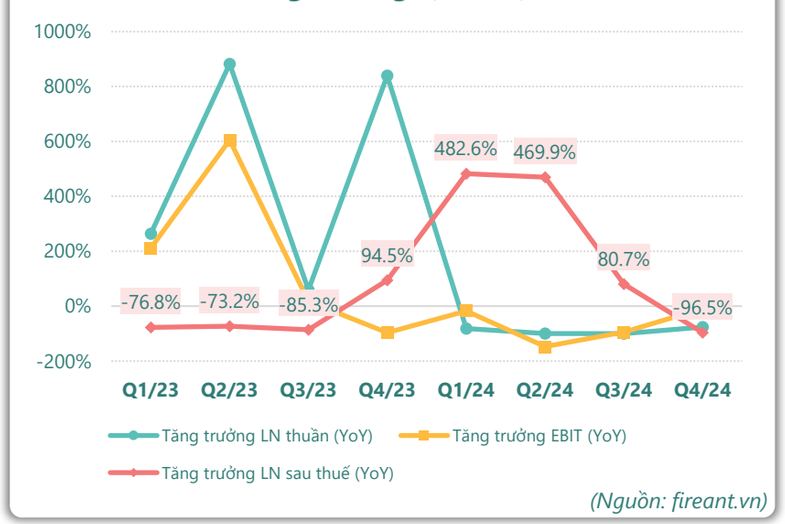
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



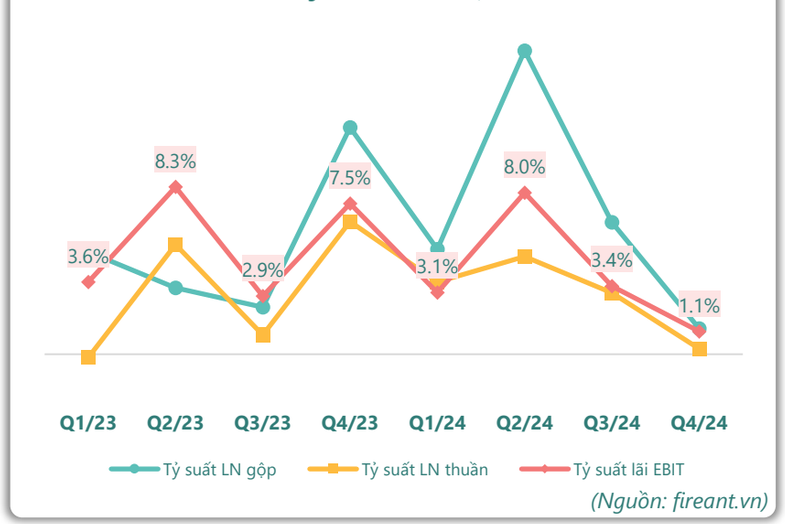
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



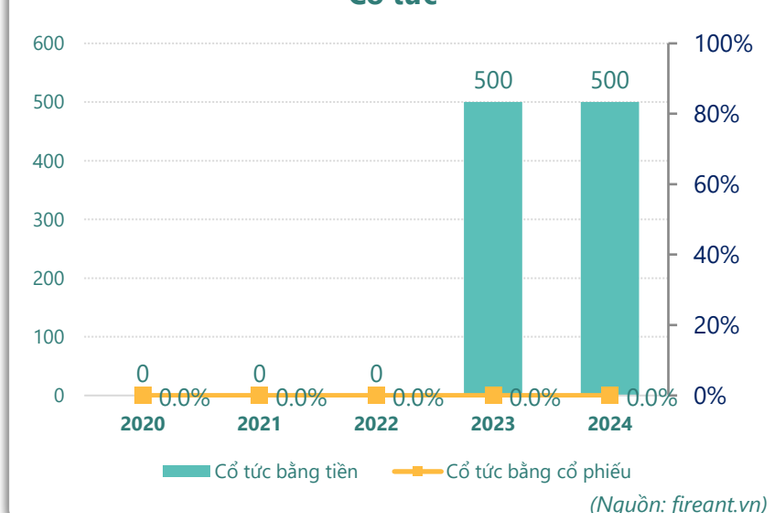
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

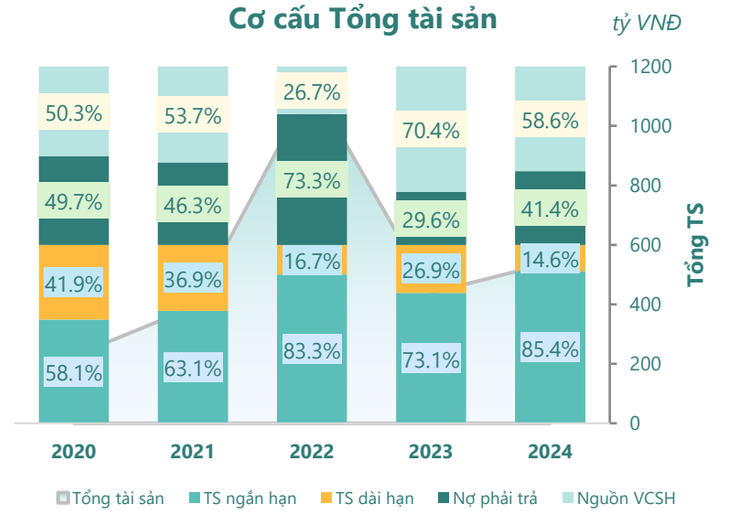
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

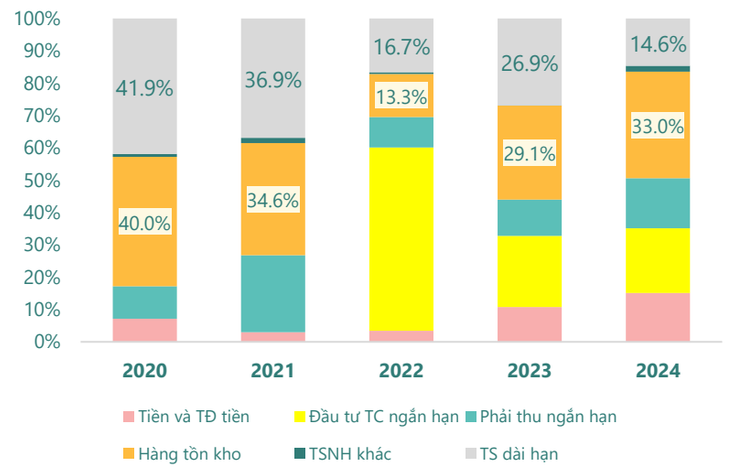
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



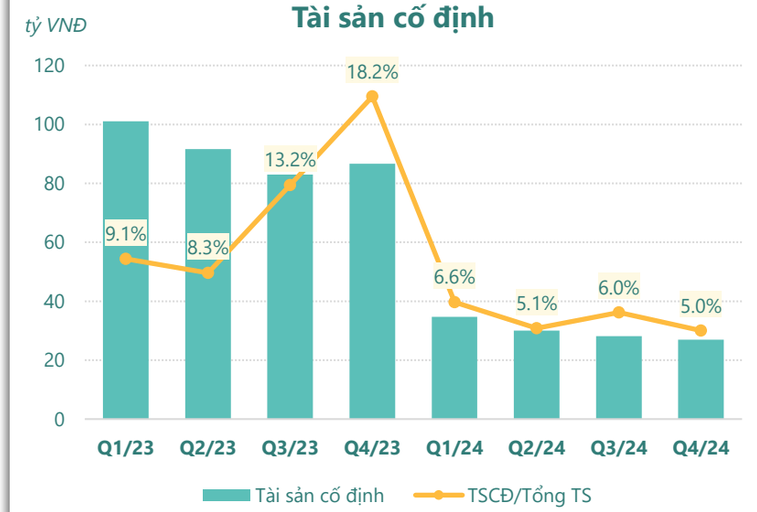
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



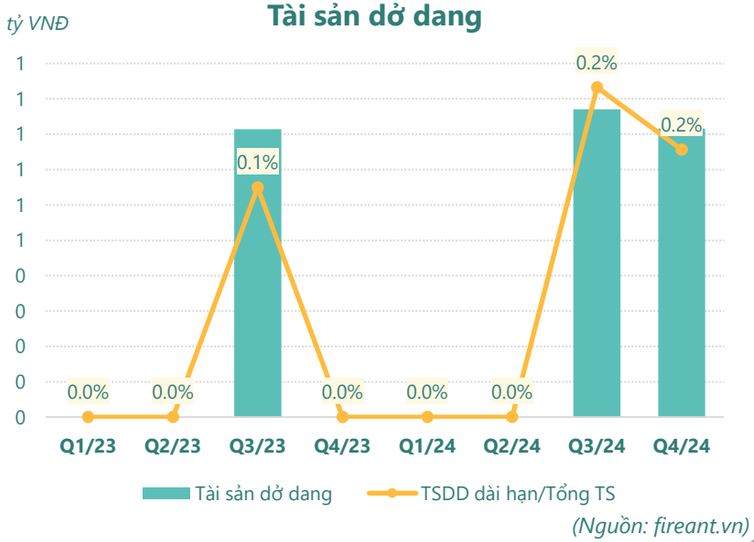
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



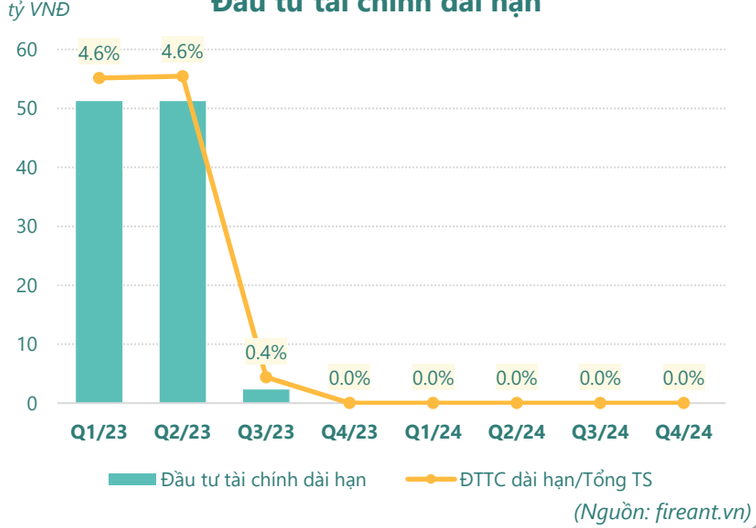
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



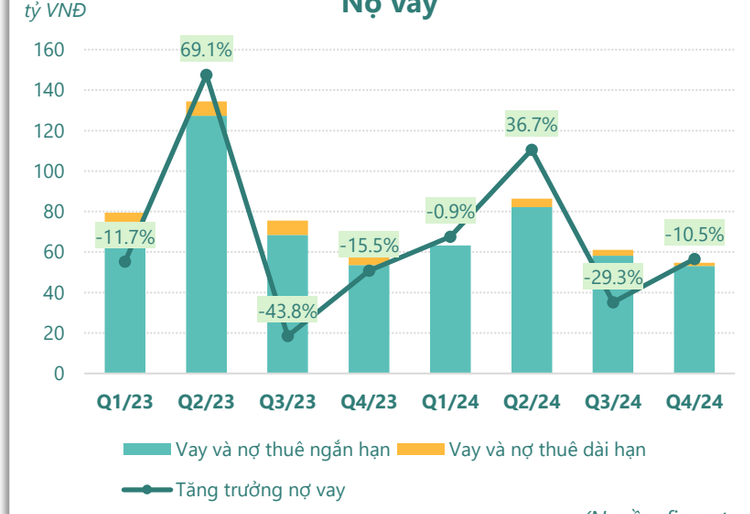
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

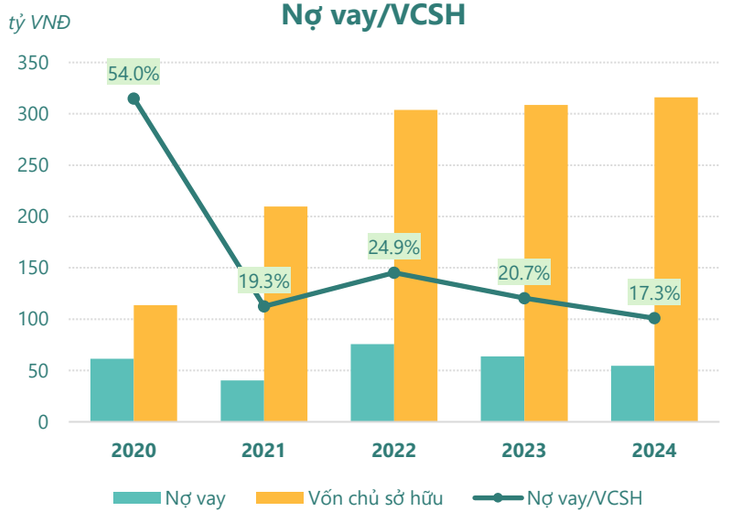
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

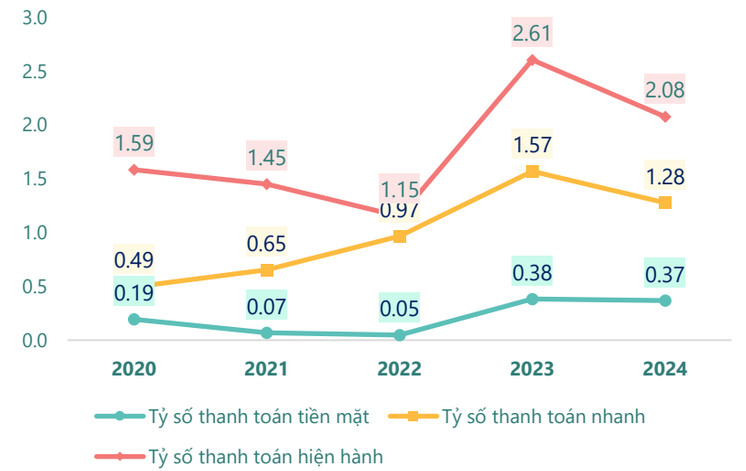
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



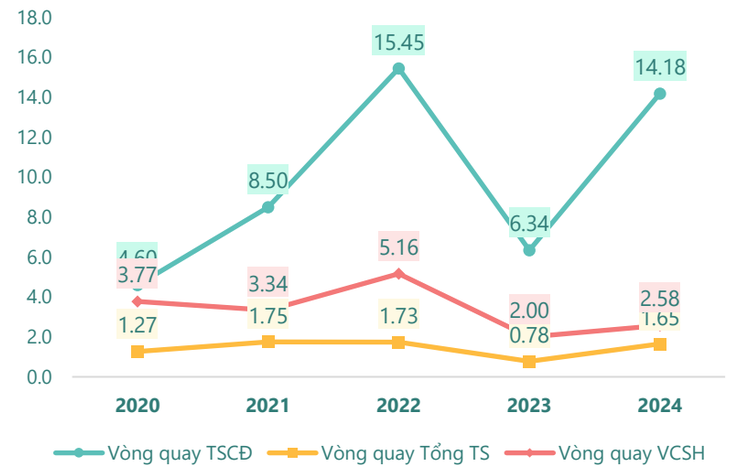
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



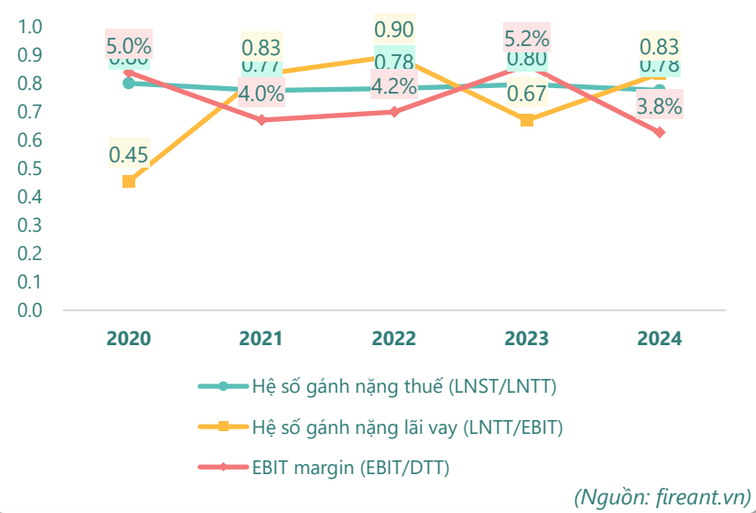
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



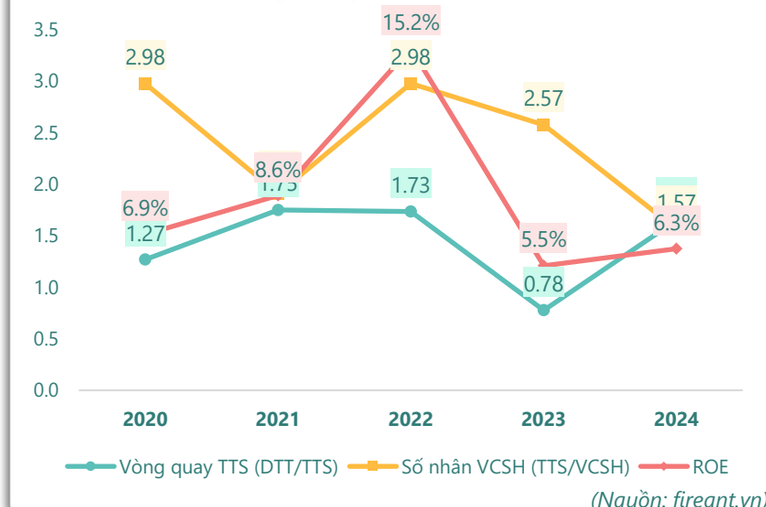
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



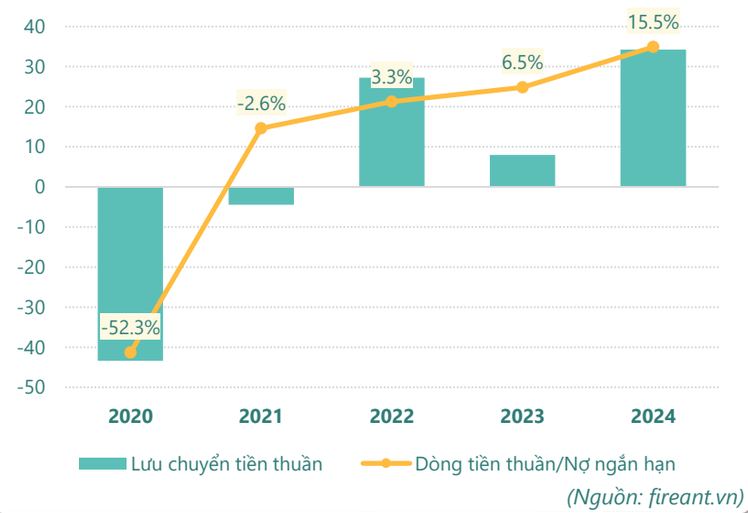
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**134**	**199**	**-32.8%**	**806**	**611**	**31.8%**
Giá vốn hàng bán	132	177	-25.4%	751	577	30.3%
Lợi nhuận gộp	1.70	22.4	-92.4%	54.7	34.8	57.1%
Doanh thu HĐTC	11.7	10.2	14.7%	16.1	37.5	-57.1%
Chi phí TC	4.45	13.6	-67.3%	11.8	23.9	-50.6%
Chi phí lãi vay	1.22	1.54	-20.6%	5.01	10.5	-52.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.66	1.99	33.7%	15.2	9.43	61.0%
Chi phí QLDN	**5.93**	**3.95**	**50.2%**	**18.7**	**19.1**	**-2.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.36	13.1	-97.3%	25.1	19.9	26.0%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**0.24**	**-128%**	**0.18**	**1.33**	**-86.2%**
LN trước thuế	0.29	13.3	-97.8%	25.3	21.3	19.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.20**	**10.6**	**-98.1%**	**19.6**	**16.9**	**16.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.20**	**10.6**	**-98.1%**	**19.6**	**16.9**	**16.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-492	-78.7	-4.80	104	-128	17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	620	41.6	-18.7	17.3	35.1	27.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-47.2	-33.1	8.25	14.4	-21.2	-16.7
Tiền đầu kỳ	37.0	117	47.1	31.9	167	53.6
Lưu chuyển tiền thuần	**80.4**	**-70.2**	**-15.2**	**135**	**-114**	**27.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.12	0	0	0.03	-0.03	0
Tiền cuối kỳ	117	47.1	31.9	167	53.6	81.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**539**	**438**	**23.0%**
Tài sản ngắn hạn	460	321	43.6%
Tiền và tương đương tiền	81.3	47.1	72.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	108	96.7	12.0%
Phải thu ngắn hạn	83.3	49.2	69.2%
Hàng tồn kho	178	127	39.5%
Tài sản ngắn hạn khác	9.64	0.17	5535%
Tài sản dài hạn	**79.0**	**118**	**-33.0%**
Phải thu dài hạn	0.62	0.98	-36.7%
Tài sản cố định	27.0	86.7	-68.8%
Bất động sản đầu tư	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dở dang	0.82	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**20.5**	**0.28**	**7345%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	223	130	71.8%
Nợ ngắn hạn	**222**	**123**	**80.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.1	56.9	-6.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	137	30.5	348%
Nợ dài hạn	1.64	6.88	-76.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.64	6.88	-76.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**316**	**309**	**2.5%**
Vốn chủ sở hữu	**316**	**309**	**2.5%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)